

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ VIỆT NAM THỰC HIỆN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG GDP 10%/NĂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

NGUYỄN VĂN CƯỜNG\*  
PHẠM XUÂN THU\*\*

Nghị quyết Đại hội Đảng XIV của Đảng đã đặt mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2026 - 2030 từ 10%/năm trở lên, GDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 8.500 USD<sup>1</sup>, hướng tới trở thành nước công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đây là khát vọng lớn, dựa trên nền tảng tăng trưởng 8,02% năm 2025 và quy mô kinh tế đạt 517 tỷ USD<sup>2</sup>. Cơ hội nổi bật bao gồm: việc khai thác dư địa tăng trưởng cao, đổi mới mô hình phát triển với động lực từ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và sáng tạo. Các trụ cột, như: cải cách thể chế, nâng cao liêm chính và vai trò trung tâm của Nhân dân sẽ thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Tuy nhiên, thách thức lớn từ biến động kinh tế toàn cầu phức tạp đòi hỏi đột phá mạnh mẽ để tháo gỡ điểm nghẽn, tránh bẫy thu nhập trung bình và nâng cao sức chống chịu trong chuỗi giá trị toàn cầu.

**Từ khóa:** Thách thức; cơ hội; tăng trưởng GDP; giai đoạn 2026 - 2030; đột phá mạnh mẽ; tháo gỡ điểm nghẽn.

*The Resolution of the 14<sup>th</sup> National Party Congress set the target of achieving an average annual GDP growth rate of at least 10% during the 2026 - 2030 period, aiming to raise GDP per capita to approximately USD 8,500 and transform Vietnam into a modern industrialized country with upper-middle-income status by 2030. This is an ambitious aspiration, built on an economic growth rate of 8.02% in 2025 and an economic scale of USD 517 billion. Key opportunities include harnessing high-growth sectors and renewing the development model driven by science, technology, digital transformation, and innovation. Pillars such as institutional reform, enhanced integrity, and people-centered development will contribute to sustainable growth. However, significant challenges arising from a complex global economic landscape require strong breakthrough measures to remove bottlenecks, avoid the middle-income trap, and strengthen resilience within global value chains.*

**Keywords:** Challenges; opportunities; GDP growth; the 2026 - 2030 period; major breakthroughs; bottleneck removal.

NGÀY NHẬN: 28/3/2026      NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 29/4/2026      NGÀY DUYỆT: 18/5/2026

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.364.2026.1501>

## 1. Đặt vấn đề

Đại hội XIV của Đảng đã thông qua Nghị quyết mang tính lịch sử, định hướng phát triển đất nước trong giai đoạn mới 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó,

đặt ra mục tiêu phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP)

\* PGS.TS, Trường Đại học Hoa Sen

\*\* TS, Trường Đại học Sài Gòn

bình quân từ 10%/năm trở lên trong giai đoạn 2026 - 2030. Đây được xem là bước nhảy vọt đầy tham vọng nhưng hoàn toàn khả thi, phản ánh quyết tâm rút ngắn khoảng cách phát triển, đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao vào năm 2030. Để đạt được điều này, Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh việc xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng; phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, coi kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất; đồng thời, hoàn thiện thể chế, cải cách mạnh mẽ để khai thác tối đa dư địa tăng trưởng.

### **2. Thực hiện mục tiêu tăng trưởng 10%/năm trong giai đoạn 2026 - 2030 theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng**

Thực tiễn từ công cuộc Đổi mới năm 1986 đến nay, Việt Nam đã ghi dấu một hành trình tăng trưởng kinh tế ấn tượng, thuộc nhóm cao nhất khu vực và thế giới, cụ thể:

Giai đoạn đầu (1987 - 1990), tăng trưởng GDP bình quân đạt khoảng 4,97%/năm, chủ yếu nhờ thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, kiểm soát lạm phát và ổn định vĩ mô. Sang thập niên 90 thế kỷ XX, tốc độ tăng vọt lên bình quân 7,73%/năm, thậm chí giai đoạn 1992 - 1997 đạt 8,89%/năm nhờ tự do hóa thương mại, thu hút đầu tư nước ngoài và mở cửa hội nhập.

Giai đoạn 2001 - 2010, duy trì mức cao 7,12%/năm<sup>3</sup>, với quy mô GDP tăng gấp hơn 3 lần nhờ dòng vốn FDI mạnh mẽ và xuất khẩu bùng nổ.

Từ năm 2011 - 2020, dù chịu tác động khủng hoảng tài chính toàn cầu và đại dịch Covid-19, tăng trưởng vẫn đạt bình quân khoảng 6,2 - 6,3%/năm, đưa Việt Nam từ nước nghèo trở thành nước thu nhập trung bình thấp rồi trung bình cao, quy mô kinh tế tăng gần 100 lần so với năm 1986. Tốc độ

tăng trưởng bình quân trong gần 40 năm Đổi mới đạt khoảng 6,67%/năm, chứng tỏ Việt Nam có nền tảng bền vững, khả năng chống chịu tốt và dư địa tăng trưởng lớn khi chuyển dịch cơ cấu kinh tế (tỷ trọng nông nghiệp giảm mạnh từ trên 36% xuống dưới 12%, công nghiệp và dịch vụ chiếm ưu thế)<sup>4</sup>.

Giai đoạn 2021 - 2025 là một trong những thời kỳ thử thách nhất lịch sử kinh tế Việt Nam hiện đại, chịu tác động nặng nề từ đại dịch Covid-19 (đặc biệt năm 2021), đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, xung đột địa chính trị, lạm phát thế giới cao và thiên tai. Mặc dù vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ và nỗ lực của toàn hệ thống chính trị, doanh nghiệp, Nhân dân, Việt Nam đã thể hiện sức chống chịu vượt trội và phục hồi mạnh mẽ. Cụ thể, tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn đạt khoảng 6,3%/năm (theo số liệu chính thức từ Tổng cục Thống kê (nay là Cục Thống kê) và các báo cáo của Chính phủ). Nếu năm 2021 (tăng trưởng chỉ khoảng 2,55 - 2,58% do giãn cách xã hội) thì bình quân 2022 - 2025 đạt 7,2%/năm - mức cao hơn mục tiêu đề ra ban đầu<sup>5</sup>. Các chỉ số khác cũng ấn tượng: lạm phát kiểm soát dưới 3,6% (năm 2025 khoảng 3,31%), xuất siêu liên tiếp 10 năm, nợ công giảm còn khoảng 36% GDP, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chất lượng cao tăng mạnh, kinh tế số chiếm tỷ trọng tăng từ 12,87% lên 14,02% GDP<sup>6</sup>.

Cơ sở hiện tại của mục tiêu 10%/năm nằm ở việc Việt Nam đang hội tụ “thế và lực” chưa từng có: dân số vàng chất lượng cao dần hình thành, hội nhập sâu rộng qua các FTA thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP), dòng vốn FDI chất lượng cao đổ vào mạnh mẽ (đặc biệt trong công nghệ cao, bán dẫn, kinh tế xanh) và tiềm năng bứt phá từ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế số (dự kiến chiếm 30% GDP vào 2030)<sup>7</sup>.

Bên cạnh những thuận lợi về quyết tâm chính trị, cơ sở thực tiễn và bài học kinh nghiệm của một số quốc gia trong khu vực và thế giới, việc xác lập mục tiêu tăng trưởng

từ 10%/năm trở lên cũng là thách thức lớn cả trong nội tại lẫn bên ngoài, cần phải nhận diện và vượt qua:

*(1) Về thách thức nội tại.*

Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng thẳng thắn thừa nhận việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa “còn chậm”, dẫn đến năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng chống chịu và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII (2021 - 2025), dù có nhiều đổi mới trong tổ chức thực hiện Nghị quyết và chính sách, pháp luật nhưng vẫn tồn tại các điểm nghẽn nghiêm trọng: cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bị hạn chế bởi nút thắt hành chính; sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp chưa rõ ràng, dẫn đến hiệu lực kiểm soát quyền lực nhà nước thấp và quyền làm chủ của Nhân dân chưa được thể chế hóa đầy đủ. Những vấn đề này không chỉ làm chậm tiến độ cải cách mà còn tạo ra môi trường kinh doanh đầy rào cản, như: thủ tục hành chính rườm rà, tham nhũng dai dẳng và thiếu đồng bộ chính sách.

Bên cạnh đó, năng suất lao động Việt Nam chỉ bằng khoảng 7 - 8% so với Singapore hoặc 20 - 30% so với Thái Lan, trong khi mục tiêu đòi hỏi tăng 8,5%/năm - một con số rất tham vọng<sup>8</sup>. Việc hoàn thiện thể chế còn chậm nên dẫn đến nút thắt về thủ tục hành chính, làm giảm sức hấp dẫn đầu tư và cản trở kinh tế tư nhân. Ngoài ra, tình trạng bất bình đẳng vùng, miền và quá trình già hóa dân số diễn ra nhanh hơn dự báo có thể làm suy giảm lực lượng lao động, tăng gánh nặng an sinh xã hội; đồng thời, gây áp lực lên lạm phát và nợ công nếu đầu tư toàn xã hội đạt mức 40% GDP như dự kiến<sup>9</sup>.

*(2) Về thách thức bên ngoài.*

Thực tiễn cho thấy, Việt Nam là một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất bởi mực nước biển dâng, hạn hán, lũ lụt. Nếu

không có các biện pháp thích ứng và giảm thiểu phù hợp, ước tính biến đổi khí hậu sẽ khiến Việt Nam mất khoảng 12 - 14,5% GDP mỗi năm vào năm 2050 và có thể khiến tới một triệu người vào tình trạng nghèo cùng cực vào năm 2030<sup>10</sup>.

Rủi ro từ xung đột địa chính trị và đứt gãy chuỗi cung ứng, chiến tranh thương mại, xung đột địa chính trị (căng thẳng Mỹ - Trung) và chính sách bảo hộ mậu dịch tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến xuất khẩu và dòng vốn FDI<sup>11</sup>. Dù Việt Nam hưởng lợi từ “China+1” nhưng sự dịch chuyển chuỗi cung ứng có thể chậm lại nếu kinh tế toàn cầu suy thoái.

Biến động kinh tế thế giới và lạm phát nhập khẩu, kinh tế toàn cầu dự báo tiếp tục bất ổn, với rủi ro suy thoái, tăng lãi suất từ các ngân hàng trung ương lớn và biến động giá năng lượng, lương thực. Việt Nam phụ thuộc lớn vào nhập khẩu nguyên liệu nên lạm phát nhập khẩu có thể làm tăng chi phí sản xuất, ảnh hưởng đến mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4%. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra nhanh chóng nhưng nếu Việt Nam không bắt kịp (hiện kinh tế số chỉ khoảng 15 - 20% GDP) sẽ tụt hậu so với các nước khu vực, làm giảm khả năng đạt mục tiêu kinh tế số chiếm 30% GDP<sup>12</sup>.

**3. Giải pháp thực hiện mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10%/năm trở lên của Việt Nam**

Để đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân từ 10%/năm trở lên trong giai đoạn 2026 - 2030, Việt Nam cần triển khai các giải pháp sau:

*Một là, đẩy mạnh cải cách thể chế và hoàn thiện môi trường kinh doanh.*

Cải cách thể chế phải được coi là nhiệm vụ đột phá hàng đầu, với trọng tâm cắt giảm triệt để thủ tục hành chính, đơn giản hóa quy trình cấp phép, đầu tư và kinh doanh. Cần áp dụng cơ chế “một cửa” số hóa toàn diện, giảm thời gian xử lý hồ sơ xuống dưới mức trung bình ASEAN; đồng thời, xây dựng hệ thống

giám sát minh bạch, chống tham nhũng hiệu quả thông qua công nghệ số, trách nhiệm cá nhân hóa của người đứng đầu. Đặc biệt, cần hoàn thiện khung pháp lý hỗ trợ khu vực tư nhân, bao gồm: cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, hợp đồng và giải quyết tranh chấp nhanh chóng nhằm nâng hạng môi trường kinh doanh lên nhóm đầu khu vực. Song song đó, cần triển khai mạnh mẽ các nghị quyết về phát triển doanh nghiệp tư nhân lớn với chính sách ưu đãi thuế, tín dụng và đất đai dành riêng cho các tập đoàn tư nhân có khả năng dẫn dắt chuỗi giá trị.

*Hai là, tái cơ cấu mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, tập trung khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và kinh tế số.*

Theo đó, cần đẩy mạnh đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) để tạo nền tảng cho đổi mới sáng tạo bền vững. Mục tiêu đặt ra là nâng tổng chi tiêu quốc gia cho khoa học, công nghệ và R&D đạt ít nhất 2% GDP vào năm 2030, trong đó phần lớn (trên 60%) đến từ khu vực tư nhân và doanh nghiệp. Để đạt được điều này, Chính phủ cần ban hành và thực thi các cơ chế ưu đãi mạnh mẽ, bao gồm: khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp lên đến 150 - 200% đối với chi phí R&D thực tế, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 - 5 năm đầu cho các dự án nghiên cứu công nghệ cao và thành lập các quỹ hỗ trợ R&D chuyên biệt với nguồn vốn nhà nước kết hợp tư nhân<sup>14</sup>. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp lớn hình thành các trung tâm nghiên cứu nội bộ, hợp tác với viện nghiên cứu, trường đại học và đối tác quốc tế để chuyển giao công nghệ tiên tiến, đặc biệt, trong các lĩnh vực then chốt, như: trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ sinh học, vật liệu mới và sản xuất thông minh.

Phát triển kinh tế số phải được coi là động lực tăng trưởng chính, với mục tiêu kinh tế số chiếm khoảng 30% GDP vào năm 2030. Để thực hiện, cần đẩy nhanh hoàn thiện hạ tầng số quốc gia, bao gồm: phủ sóng

5G toàn quốc, xây dựng và vận hành các trung tâm dữ liệu lớn (data center) đạt chuẩn quốc tế, phát triển nền tảng đám mây quốc gia và hệ thống kết nối liên thông dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương. Triển khai toàn diện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030 bằng cách ưu tiên số hóa các ngành kinh tế mũi nhọn, như: sản xuất, logistics, tài chính, thương mại điện tử và dịch vụ công. Cụ thể, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận công cụ số miễn phí hoặc lãi suất ưu đãi, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ cao, phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới và xây dựng các nền tảng số quốc gia về dữ liệu lớn (Big Data), AI để phục vụ quản lý nhà nước.

Tập trung phát triển các ngành công nghệ cao chiến lược, đặc biệt là công nghiệp bán dẫn, AI và công nghệ sinh học. Thực hiện đầy đủ Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2050, với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành một trong những trung tâm nhân lực bán dẫn toàn cầu, đạt doanh thu ngành trên 50 tỷ USD/năm và giá trị gia tăng nội địa từ 15 - 20%. Các hành động cụ thể, bao gồm: thành lập các khu công nghệ cao chuyên biệt về bán dẫn, thu hút FDI có chọn lọc từ các tập đoàn lớn (như: Intel, Samsung, TSMC) kèm cam kết chuyển giao công nghệ; triển khai Chương trình phát triển nguồn nhân lực ngành bán dẫn đến năm 2030, đào tạo ít nhất 50.000 kỹ sư và chuyên gia chất lượng cao (từ đại học trở lên), tập trung vào các công đoạn thiết kế vi mạch, đóng gói, kiểm thử và sản xuất chip chuyên dụng. Đồng thời, xây dựng chương trình quốc gia về AI, với các trung tâm nghiên cứu AI quốc gia, hỗ trợ start-up AI và ứng dụng AI rộng rãi trong sản xuất, y tế, giáo dục, nông nghiệp để nâng cao năng suất và giá trị gia tăng (Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ).

Tiếp tục thúc đẩy đổi mới sáng tạo từ doanh nghiệp và hệ sinh thái khởi nghiệp. Xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tư nhân dẫn dắt đổi mới, như: thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm nhà nước - tư nhân, chương trình “sandbox” thử nghiệm công nghệ mới. Phát triển mạng lưới các vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo tại các thành phố lớn (TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng), kết nối chặt chẽ giữa đại học - viện nghiên cứu - doanh nghiệp - nhà đầu tư. Khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị toàn cầu ở phân khúc cao hơn thông qua hợp tác quốc tế, chương trình “Go Global” hỗ trợ xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao và dịch vụ số.

*Ba là, đầu tư mạnh mẽ và hiệu quả vào hạ tầng đồng bộ, hiện đại.*

Tập trung giải ngân vốn đầu tư công đạt tỷ lệ cao (trên 95% kế hoạch hàng năm), với quy mô lớn cho hạ tầng giao thông (hoàn thành hệ thống cao tốc Bắc - Nam, sân bay Long Thành giai đoạn 1, cảng biển nước sâu), năng lượng (lưới điện thông minh, lưu trữ năng lượng), logistics và đô thị thông minh. Khuyến khích mô hình đối tác công tư (PPP) để huy động vốn tư nhân, giảm gánh nặng ngân sách nhà nước; đồng thời, áp dụng cơ chế chia sẻ rủi ro hợp lý. Đầu tư hạ tầng số và xanh phải song hành, bảo đảm cung cấp điện ổn định cho các trung tâm dữ liệu và khu công nghiệp công nghệ cao, góp phần giảm chi phí logistics xuống dưới 10% GDP.

*Bốn là, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và nâng cao năng suất lao động.*

Cải cách toàn diện hệ thống giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, thực tiễn và gắn kết chặt chẽ với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Cần đổi mới mạnh mẽ chương trình, phương pháp giảng dạy ở tất cả các cấp, đặc biệt đại học và giáo dục nghề nghiệp, chuyển từ truyền đạt kiến thức sang phát triển kỹ năng thực hành, tư duy sáng tạo, kỹ năng số, ngoại ngữ và khả năng thích ứng với công nghệ mới. Triển khai các chương trình đào

tạo liên ngành, tích hợp STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học) với kinh tế số, AI, bán dẫn và công nghệ sinh học. Đồng thời, tăng cường hợp tác công - tư trong đào tạo, khuyến khích doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, cung cấp giảng viên kiêm nhiệm và tổ chức thực tập, đào tạo tại chỗ để bảo đảm đầu ra phù hợp với vị trí việc làm.

Đẩy mạnh đào tạo quy mô lớn và chất lượng cao cho lực lượng lao động trẻ, tập trung vào các lĩnh vực then chốt, như: Đề án đào tạo nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 - 2035, với mục tiêu tăng nhanh quy mô đào tạo khối ngành STEM, đặc biệt nhân lực cho bán dẫn (ít nhất 50.000 kỹ sư và chuyên gia), AI (khoảng 20.000 chuyên gia) và các ngành công nghệ cao khác. Hợp tác chặt chẽ với các tập đoàn đa quốc gia (như: Intel, Samsung, TSMC) để đào tạo tại chỗ, chuyển giao công nghệ và xây dựng các trung tâm đào tạo chuyên sâu. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ lên 35 - 40% vào năm 2030 thông qua mở rộng giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, chương trình đào tạo lại và nâng cao kỹ năng cho lao động hiện hữu, đặc biệt trong bối cảnh tự động hóa và chuyển đổi số.

Thu hút, trọng dụng và phát huy nhân tài, bao gồm chuyên gia trong nước và Việt kiều. Xây dựng chính sách ưu đãi mạnh mẽ, như: miễn giảm thuế thu nhập cá nhân cho chuyên gia nước ngoài và Việt kiều về nước làm việc trong lĩnh vực công nghệ cao, hỗ trợ visa dài hạn, nhà ở và điều kiện làm việc tốt. Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia trọng dụng nhân tài qua cơ chế lương thưởng cạnh tranh và môi trường làm việc sáng tạo.

Cải thiện chất lượng y tế, giáo dục cơ bản và phát triển kỹ năng mềm để nâng cao sức khỏe, thể chất và năng lực toàn diện của lực lượng lao động. Đầu tư mạnh vào y tế dự phòng, dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe cộng đồng nhằm tăng tuổi thọ và giảm thiểu bệnh nghề nghiệp. Tăng cường giáo dục phổ

thông về kỹ năng sống, tư duy phản biện, làm việc nhóm và thích ứng thay đổi. Xây dựng hệ thống học tập suốt đời, với các nền tảng số hỗ trợ đào tạo trực tuyến, chứng chỉ kỹ năng linh hoạt để lao động dễ dàng chuyển đổi nghề nghiệp trong bối cảnh công nghệ phát triển nhanh.

Thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số để nâng cao năng suất lao động tại chỗ. Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng tự động hóa, robot, AI và công cụ số trong sản xuất, quản lý để tăng hiệu quả lao động. Triển khai các chương trình hỗ trợ SMEs tiếp cận công nghệ mới với lãi suất ưu đãi, đào tạo sử dụng và chuyển giao công nghệ. Đồng thời, xây dựng cơ chế đánh giá, đo lường và khen thưởng năng suất lao động ở cấp doanh nghiệp và quốc gia, kết hợp với cải thiện môi trường làm việc an toàn, công bằng để kích lệ tinh thần làm việc hiệu quả.

*Năm là, thúc đẩy chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn và bảo đảm an ninh năng lượng, lương thực.*

Thực hiện quyết liệt Quy hoạch điện VIII, tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo lên 28 - 36% vào năm 2030, kết hợp phát triển pin lưu trữ, hydro xanh và lưới điện thông minh để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng cao mà vẫn giảm phát thải<sup>15</sup>. Xây dựng thị trường carbon quốc gia, áp dụng cơ chế hỗ trợ lãi suất ưu đãi cho dự án xanh và khuyến khích doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn ESG. Đồng thời, bảo đảm an ninh lương thực bằng cách hiện đại hóa nông nghiệp, phát triển nông nghiệp công nghệ cao và chuỗi giá trị bền vững, giúp xuất khẩu nông sản đạt giá trị gia tăng cao hơn.

*Sáu là, mở rộng thị trường xuất khẩu, đa dạng hóa chuỗi cung ứng và thu hút FDI chất lượng cao.*

Tận dụng 17 hiệp định thương mại tự do để đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, nâng tỷ lệ kim ngạch hưởng ưu đãi lên 60 - 70% thông qua tăng hàm lượng giá trị nội địa và tuân thủ quy tắc xuất xứ<sup>16</sup>. Thu hút FDI vào các ngành công nghệ cao, xanh và có chuyển

giao công nghệ với chính sách ưu đãi có chọn lọc. Phát triển chuỗi cung ứng nội địa bằng cách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa kết nối với tập đoàn đa quốc gia, giảm phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu.

*Bảy là, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô và chính sách tài khóa - tiền tệ linh hoạt.*

Duy trì kiểm soát lạm phát ở mức thấp và ổn định, với mục tiêu CPI bình quân khoảng 4 - 4,5%/năm. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ kiên định ưu tiên kiểm soát lạm phát, kết hợp linh hoạt ứng phó với biến động toàn cầu và nội tại. Cụ thể, điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến lạm phát và tăng trưởng, duy trì mặt bằng lãi suất cho vay hợp lý để hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn chi phí thấp; đồng thời, kiểm soát chặt chẽ tăng trưởng tín dụng (hướng tới mức khoảng 15 - 16%/năm, có điều chỉnh linh hoạt theo tình hình thực tế). Tập trung tăng cường giám sát và quản lý rủi ro hệ thống ngân hàng, xử lý nợ xấu hiệu quả, duy trì tỷ lệ nợ xấu ở mức an toàn dưới 3%, góp phần bảo đảm an toàn và ổn định hệ thống tài chính<sup>17</sup>. Bên cạnh đó, điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp với cơ chế thị trường và diễn biến kinh tế vĩ mô. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần tiếp tục áp dụng cơ chế tỷ giá trung tâm điều chỉnh hằng ngày, kết hợp công cụ can thiệp thị trường ngoại hối khi cần thiết để ổn định tỷ giá, giảm áp lực lên lạm phát nhập khẩu và hỗ trợ xuất khẩu cạnh tranh. Duy trì dự trữ ngoại hối ở mức cao để tăng khả năng chống chịu trước các cú sốc bên ngoài, thúc đẩy đa dạng hóa nguồn ngoại tệ qua xuất khẩu, FDI và kiều hối nhằm giảm phụ thuộc vào một số thị trường lớn.

Thực hiện chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả cao. Chính phủ cần điều hành thu - chi ngân sách chủ động, phấn đấu thu ngân sách tăng tối thiểu 10%/năm so với năm trước để tạo dư địa chi lớn hơn cho đầu tư phát triển. Ưu tiên chi đầu tư công vào các dự án hạ tầng

chiến lược, hạ tầng số, năng lượng tái tạo và chuyển đổi xanh; đồng thời, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công đạt tỷ lệ cao (trên 95% kế hoạch hàng năm) thông qua giám sát chặt chẽ, rút ngắn thủ tục và áp dụng cơ chế đặc thù khi cần thiết. Tiếp tục các chính sách giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí một cách có chọn lọc để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân, tăng tổng cầu nội địa, thúc đẩy sản xuất - kinh doanh mà không gây áp lực lạm phát. Quản lý bội chi ngân sách và nợ công trong giới hạn an toàn theo quy định pháp luật, bảo đảm nợ công/GDP duy trì ở mức bền vững, tạo không gian cho chính sách tài khóa hỗ trợ tăng trưởng mà vẫn giữ ổn định vĩ mô. Đồng thời, tăng cường phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa chính sách tài khóa và tiền tệ cùng các chính sách kinh tế vĩ mô; xây dựng cơ chế phối hợp thường xuyên, kịp thời giữa Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành liên quan để điều hành linh hoạt, phản ứng nhanh nhạy với biến động kinh tế trong nước và quốc tế.

#### 4. Kết luận

Xác định “Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân cho giai đoạn 2026 - 2030 từ 10%/năm trở lên; GDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 8.500 USD”<sup>18</sup>, tiến tới trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao là quyết tâm chính trị mạnh mẽ và khát vọng lớn của Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu này, nước ta sẽ phải đối mặt với không ít thách thức song cũng hoàn toàn khả thi nếu toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy tinh thần đoàn kết, đột phá mạnh mẽ về thể chế, giải phóng nguồn lực, lấy khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm động lực chính; đồng thời, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và động lực quan trọng của kinh tế tư nhân. Với quyết tâm cao và hành động quyết liệt ngay từ những năm đầu nhiệm kỳ, Việt Nam hoàn toàn có thể biến khát vọng thành hiện thực, vững bước tiến

lên chủ nghĩa xã hội giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh □

#### Chú thích:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV. Tập I*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 25.
2. *GDP năm 2025 tăng trưởng 8,02%, bình quân đầu người đạt 5.026 USD*. <https://baohinhphu.vn>, ngày 05/01/2026.
3. *Từ đổi thay lịch sử đến tâm vóc hôm nay*. <https://thoibaotaichinhvietnam.vn>, ngày 17/02/2026.
4. *Bài 1: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế từ năm 1986 đến nay*. <https://tapchikinhthetaichinh.vn>, ngày 09/5/2025.
5. *Digital economy contributes 14.02% to Vietnam's GDP*. <https://en.vneconomy.vn>, ngày 07/01/2026.
6. *Three pillars to bring Vietnam's digital economy to account for 30% of GDP*. <https://news.laodong.vn>, ngày 24/4/2026.
7. *Năng suất lao động Việt Nam ở mức nào trong khu vực*. <https://znews.vn>, ngày 08/10/2025.
8. *Xu hướng già hóa dân số nhanh ở Việt Nam, thực trạng và giải pháp*. <https://www.nso.gov.vn>, ngày 08/5/2026.
9. *Báo cáo Quốc gia về khí hậu và phát triển cho Việt Nam*. <https://www.worldbank.org>, ngày 01/7/2022.
10. Banh, T. H., Fan, L. & Zhang, X. (2024). *FDI Inflows into China and Vietnam and the Impact of the U.S.-China Trade War*. Research Paper 02/2024, Asia Competitiveness Institute Research Paper Series, Lee Kuan Yew School of Public Policy, National University of Singapore.
11. *Kinh tế số chiếm xấp xỉ 15% GDP*. <https://mst.gov.vn>, ngày 20/7/2023.
12. *Thực trạng và giải pháp phát triển nền kinh tế số tại Việt Nam*. <https://tapchicongthuong.vn>, ngày 12/3/2022.
13. *Vietnam's spending on research and development lags behind developed countries*. <https://vietnamnet.vn/en>, ngày 28/7/2025.
14. *Năng lượng tái tạo và những “nút thắt” trong Quy hoạch điện VIII*. <https://thesaigon-times.vn>, ngày 14/8/2025.
15. *Việt Nam tham gia FTA với 60 nền kinh tế*. <https://tapchicongthuong.vn>, ngày 28/12/2019.
16. *Banks must sell bad debts to VAMC if NPL ratio reaches 3 per cent*. <https://vietnamnews.vn>, ngày 23/10/2025.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV. Tập II*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 375 - 376.